TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 188 /2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 23 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn Xuân Đ - Sinh năm: 1989. Trú tại: K88/6 Nguyễn Trung T, phường An Hải B, tp Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1989. Trú tại địa chỉ: Hà My Đ, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 219/ 2015, tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng cấp ngày 18/12/2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Nguyễn Xuân Đ trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại

hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắng nhưng vẫn không có kết quả. Kể từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

- Về nuôi con chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị D có 01con chung tên là Nguyễn Ngọc Diệp C, sinh ngày 30.7.2016, Ly hôn tôi và bà bà Nguyễn Thị D thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Diệp C cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và Tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng (ba triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị D không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị D không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Xuân Đ có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắng nhưng vẫn không có kết quả. Kể từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn với ông Nguyễn Xuân Đ.

- Về nuôi con: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn Xuân Đ có 01con chung tên là Nguyễn Ngọc Diệp C, sinh ngày 30.7.2016, Ly hôn tôi và ông Nguyễn Xuân Đ thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Diệp C cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng (ba triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn Xuân Đ không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn Xuân Đ không có nợ chung

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Đ và bà D lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Đ và bà D đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Đ và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đ và bà D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Diệp C, sinh ngày 30.7.2016, ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Diệp C cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng (ba triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định không có nợ chung.

[7] Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D đã nộp tại biên lai thu số 0006265 ngày 9 / 9 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 219/ 2015, tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng cấp ngày 18/12/2015 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về con chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Diệp C, sinh ngày 30.7.2016, ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Diệp C cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng (ba triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị D đã nộp tại biên lai thu số 0006265 ngày 9/ 9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *UBND phường An Hải B;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Đã Ký

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG